| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LẤP VÒ**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 47/2017/DS-ST
Ngày: 12 - 9 - 2017
V/v Tranh chấp dân sự
về hợp đồng hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Nhã.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Văn Hùng.

2. Ông Nguyễn Vạn Thế.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Võ Thanh Tòng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 và 12 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2017, về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2017/QĐXX-DS ngày 15 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa, số 66A, ngày 25 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Phan Thị G, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Số 00, ấp T T B, xã T M, L V, Đồng Tháp, có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Trịnh Thị Đ, sinh năm: 1961, vắng mặt;

2. Võ Văn T, sinh năm: 1963, có mặt;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 00, ấp K M B, xã T K T, L V, Đồng Tháp.

- *Người làm chứng*:

1. Trịnh Thống T, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Số A, ấp K A, xã T K T, L V, Đồng Tháp, vắng mặt.

2. Lâm Bé H, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Số A, ấp H M Đ xã L HA, LV, Đồng Tháp, vắng mặt.

3. Võ Thị Chúc P, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: Số 110, ấp K M B, xã TK T, Lấp Vò, Đồng Tháp, vắng mặt.

4. Ngô Thị L, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Số 144, ấp K M B, xã T K T, L V, Đồng Tháp, vắng mặt.

5. Nguyễn Kim T, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Số 226 ấp H H, xã TKT, Lấp Vò, Đồng Tháp, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị G trình bày:

Phan Thị G có tham gia chơi 01 phần trong dây hụi do Trịnh Thị Đ và Võ Văn T làm chủ dây hụi 5.000.000đ, khui ngày 20/4/2013, gồm có 11 phần, hụi 03 tháng khui một lần. Dây hụi này khui được 06 lần đóng được số tiền 16.640.000đ, đến lần thứ 7 thì bà Đ ngưng hụi. Khi ngưng hụi thì bà Đ thỏa thuận với các hụi viên còn sống sẽ thu 06 hụi viên đã hốt số tiền để giao lại cho 05 hụi viên còn sống mỗi hụi viên còn sống số tiền là 30.000.000đ. Do G còn nợ tiền hụi của bà Đ số tiền 3.000.000đ trong dây hụi 3.000.0000đ ngày 17/7/2011. Như vậy, bà Đ còn nợ bà G số tiền còn lại là 27.000.000đ. Nay bà G yêu cầu bà Đ và ông T hoàn trả số tiền của dây hụi 5.000.000đ, khui ngày 20/4/2013 là 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Bị đơn Trịnh Thị Đ và Võ Văn T trình bày:

Bà Phan Thị G có tham gia chơi 01 phần trong dây hụi do Trịnh Thị Đ làm chủ dây hụi 5.000.000đ, khui ngày 20/4/2013, gồm có 11 phần, hụi 03 tháng khui một lần. Dây hụi này khui được 06 lần bà G đóng được số tiền 16.640.000đ, đến lần thứ 7 thì ngưng hụi. Khi ngưng hụi thì bà Đ thỏa thuận với bà G sẻ trả lại 06 lần hụi đã đóng, nhưng bà G nợ 3.000.000đ của dây hụi 3.000.000đ ngày 17/7/2011 còn lại 13.640.000đ. Nay bà Đ và ông T đồng ý trả cho bà G số tiền của dây hụi 5.000.000đ, khui ngày 20/4/2013 là 13.640.000đ (Mười ba triệu sáu trăm bốn chục ngàn đồng).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc bà Phan Thị G khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Thị Đ và ông Võ Văn T hoàn trả số tiền nợ hụi. Xét thấy tranh chấp này là tranh chấp dân sự về hợp đồng hụi được quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bà Đ và ông T có địa chỉ cư trú tại số 00, ấp K M B, xã T K T, L V, Đồng Tháp và Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà G với bà Đ, ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do giao dịch này được thực hiện và kết thúc trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường

[2] Bà Phan Thị G có tham gia chơi 01 phần trong dây hụi do Trịnh Thị Đ và Võ Văn T làm chủ dây hụi 5.000.000đ, khui ngày 20/4/2013, gồm có 11 phần,

hụi 03 tháng khui một lần, đã khui được 06 lần, phía bên bà G đã đóng được tổng cộng 16.640.000đ, đến lần thứ 07 thì ngưng khui hụi được bà G và bà Đ thống nhất, nên Hội đồng xét xử ghi nhận về vấn đề này.

Bà G cho rằng do không khui hụi nữa thì bà Đ thỏa thuận với bà G sẽ trả cho bà G là 30.000.000đ trong dây hụi này, nhưng do bà G còn nợ tiền hụi của bà Đ số tiền 3.000.000đ, còn lại là 27.000.000đ. Nay bà G yêu cầu bà Đ và ông T hoàn trả số tiền của dây hụi 5.000.000đ, khui ngày 20/4/2013 là 27.000.000đ. Bà Đ không đồng ý theo yêu cầy của bà G mà cho rằng khi ngưng hụi bà Đ thỏa thuận trả cho bà G 06 lần hụi đã đóng là 16.640.000đ, nhưng bà G nợ của dây hụi 3.000.000đ ngày 17/7/2011, 3.000.000đ. Nay bà Đ và ông T đồng ý trả cho bà G ả số tiền của dây hụi 5.000.000đ, khui ngày 20/4/2013 là 13.640.000đ (Mười ba triệu sáu trăm bốn chục ngàn đồng).

Xét thấy lời trình bày và yêu cầu của bà G là không có căn cứ. Bởi vì, các hụi viên chưa hốt trong dây hụi này như: Lâm Bé H, Võ Thị Chúc P, Ngô Thị L và Nguyễn Kim T đều xác định dây hụi này đã bị bể và thỏa thuận bà Đ sẽ trả cho các hụi viên chưa hốt số tiền đã đóng. Hơn nữa, bà G cũng thừa nhận lần khui thứ 7 bà không tham gia bỏ hụi và cũng không đóng hụi cho bà Đ do đó dây hụi này đã bể. Cho nên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bà G buộc bà Đ và ông T hoàn trả cho bà G số tiền trong dây hụi này là 16.640.000đ là có căn cứ

Tuy nhiên, bà G và bà Đ thống nhất bà G còn nợ bà Đ số tiền 3.000.000đ trong dây hụi 3.000.000đ ngày 17/7/2011, bà G cũng đồng ý khấu trừ lại số tiền này. Xét thấy sự thỏa thuận này là phù hợp, nên Hội đồng xét xử buộc bà Đ và ông T hoàn trả bà bà G số tiền trong dây hụi 5.000.000đ, khui ngày 20/4/2013 là 13.640.000đ (Mười ba triệu sáu trăm bốn chục ngàn đồng).

Đối với số tiền hoàn trả mà bà Đ, ông T chậm thực hiện nghĩa vụ thì bà Đ, ông T phải trả lãi được quy định tại Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005.

Bà G phải chịu án phí đối với yêu cầu của mình không được chấp nhận, bà Đ và ông T phải chịu án phí đối với số tiền buộc phải hoàn trả cho bà G là phù hợp với Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 305; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của Phạn Thị G

Buộc Trịnh Thị Đ và Võ Văn T liên đới hoàn trả cho Phan Thị G số tiền nợi hụi là 13.640.000đ (Mười ba triệu sáu trăm bốn chục ngàn đồng).

Đối với số tiền hoàn trả khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà G mà bà Đ, ông T chậm thi hành án, thì bà Đ, ông T còn phải trả theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán cho đến khi thi hành xong.

Về án phí:

Bà Phan Thị G phải chịu 668.000đ (Sáu trăm sáu mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 675.000đ (Sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 10443 ngày 16/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, bà G được nhận lại 7.000đ (Bảy ngàn đồng).

Bà Trịnh Thị Đ và Võ Văn T phải chịu 682.000đ (Sáu trăm tám mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà G và ông T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Đ thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án này được tống đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lấp Vò;
- CC THADS H.Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Nhã**